

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 06/TCDS-ST

Ngày 04/9/2020

Về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH - TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tú

Bà Nguyễn Thị Thịnh

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan Hương, Thư ký viên chính Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Minh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình - tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2020/TLST - DS ngày 23 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp: Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST - DS ngày 11 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1987.

Anh Vũ Đức H (Vũ H), sinh năm 1987.

Cùng trú tại: Số nhà 32, đường D, phố 1, phường V, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Phạm Viết T, sinh năm 1984.

Chị Trần Thị Lệ T, sinh năm 1984.

Cùng trú tại số nhà 27, ngõ 171, đường N, phố P, phường P, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1978, trú tại: Ninh Nhất, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Người bảo vệ quyền lợi hợp cho chị H:

Ông Phạm Đức H1, sinh năm 1958, trú tại: phố P, phường P, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt ông H1. Vắng mặt chị H, anh H, chị Ngọc A, anh T, chị T đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2020 của chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Vũ H (Vũ Đức H); bản tự khai và tại phiên tòa người bảo vệ quyền lợi cho chị H, anh H trình bày:*** Qua quen biết và thông qua chị Nguyễn Thị Ngọc A (chị gái chị H), ngày 06/6/2018 vợ chồng chị H, anh H có cho vợ chồng anh Phạm Viết T và chị Trần Thị Lệ T vay số tiền 140.000.000đồng hẹn đến ngày 06/6/2019 thanh toán đầy đủ. Khi vay có viết giấy vay tiền. Ngày 30/5/2019 anh T, chị T đã thanh toán 60.000.000đồng. Còn nợ số tiền gốc 80.000.000đồng. Anh T, chị T có viết và ký vào giấy vay tiền. Số tiền lãi anh T, chị T đã trả đến hết ngày 31/12/2019. Đến nay chị H, anh H yêu cầu vợ chồng anh T, chị T phải trả số tiền gốc 80.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2020 đến ngày xét xử theo lãi suất quy định của pháp luật.

****Lời khai bị đơn anh Phạm Viết T (tại bản tự khai ngày 09/6/2020):*** Anh xác nhận vợ chồng anh (vợ anh là chị Trần Thị Lệ T) có vay số tiền 140.000.000đồng. Số tiền vay gốc vợ chồng anh đã nhận từ chị Ngọc A (chị gái H). Về việc tính lãi là do hai bên thỏa thuận miệng. Khi nhận tiền, chị Ngọc A đưa cho anh *Văn bản Hợp đồng thế chấp và cho vay tiền ngày 06/6/2018*. Anh là người đã viết ghi rõ họ, tên địa chỉ, số chứng minh nhân dân của vợ chồng anh, thời hạn vay và vợ chồng anh đã ký nhận vào mục *Bên vay*. Đến nay đúng là văn bản mà chị H, anh H đã xuất trình cho Tòa án. Bên cho vay là chị Nguyễn Thị Thanh H « *Nội dung cho vay số tiền 140 triệu đồng* ». Quá trình trả nợ, vợ chồng anh đã trả 60.000.000đồng. Còn nợ tiền gốc là 80.000.000đồng. Chị H, anh H có đơn khởi kiện đòi nợ, anh xác định vợ chồng anh sẽ có trách nhiệm trả nợ cho chị H, anh H số tiền đã khởi kiện (*ý kiến tại Biên bản kiểm tra tiếp cận công khai tài liệu chứng cứ và Biên bản hòa giải của Tòa án ngày 09/6/2020*).

****Lời khai chị Trần Thị Lệ T (Tại bản tự khai ngày 18/8/2020):*** Chị là vợ anh Phạm Viết T, chị xác nhận ngày 06/6/2018, vợ chồng chị có vay chị Nguyễn Thị Thanh H số tiền 140.000.000đồng, vợ chồng có ký vào văn bản *Hợp đồng thế chấp và cho vay tiền* mà chị H đã xuất trình cho Tòa án. Việc vay tiền có sự chứng kiến của chị Ngọc Anh (chị gái của chị H), lãi suất là do hai bên tự thỏa thuận miệng. Quá trình trả nợ, vợ chồng chị đã trả được 60.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi hàng tháng theo thỏa thuận. Số tiền gốc còn nợ là 80.000.000đồng và tiền lãi từ ngày 01/01/2020 đến nay. Nay chị H có yêu cầu khởi kiện, chị xác định vợ chồng chị có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng chị H và tiền lãi theo lãi suất quy định của pháp luật.

****Lời khai chị Nguyễn Thị Ngọc Anh (tại bản tự khai ngày 03/8/2020 và Biên bản kiểm tra việc tiếp cận công khai tài liệu chứng cứ và Biên bản hòa giải ngày 09/6/2020 tại Tòa án):*** Do có sự quen biết nên vợ chồng anh T, chị T đã nhờ chị vay tiền hộ. Thông qua chị, vợ chồng chị H, anh H (chị H là em gái chị) đã cho vợ chồng anh T, chị T vay số tiền 140 triệu đồng. Khi vợ chồng anh T, chị T nhận số tiền của anh H, chị H có sự chứng kiến của chị. Việc anh T khai vay số tiền 140 triệu đồng của chị là không đúng. Vợ chồng anh T, chị T đã ký vào giấy *thế chấp và cho vay tiền*

ngày 06/6/2018 với bên cho vay là Nguyễn Thị Thanh H số tiền vay 140 triệu đồng. Chị được biết vợ chồng T, T đã trả cho H, H 60 triệu đồng và còn nợ lại 80 triệu đồng và tiền lãi. Do vậy anh T, chị T phải có trách nhiệm trả số tiền 80 triệu đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật cho chị H, anh H.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đúng trình tự quy định của pháp luật. Nguyên đơn và Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh H, chị Ngọc A, anh T, chị T.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Đề nghị: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Vũ Đức H (Vũ H). Buộc vợ chồng anh Phạm Viết T, chị Trần Thị Lệ T phải trả cho vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Vũ Đức H số tiền gốc 80 triệu đồng, tiền lãi là 8.100.800đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 88.100.800đồng. Anh T, chị T phải chịu án phí là 4.405.000đồng. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị H, anh H. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời gian luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Do có quan hệ quen biết với chị Nguyễn Thị Ngọc A (chị gái chị Nguyễn Thị Thanh H) nên vợ chồng anh Phạm Viết T và chị Trần Thị Lệ T có vay của vợ chồng anh Vũ Đức H, chị Nguyễn Thị Thanh H số tiền 140 triệu đồng vào ngày 06/6/2018, thời hạn vay là 1 năm từ ngày 06/6/2018 đến ngày 06/6/2019, lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Khi vay hai bên có viết biên nhận cụ thể đã viết và ký vào văn bản *Hợp đồng thế chấp và cho vay tiền* ngày 06/6/2018 mà chị H đã nộp cho Tòa án. Quá trình trả nợ, anh T, chị T đã trả lãi theo thỏa thuận của hai bên. Ngày 30/5/2019, chị T đã trả 60 triệu đồng tiền gốc, còn lại 80 triệu đồng. Anh T, chị T đã trả lãi cho chị H của số tiền 80 triệu đồng đến hết ngày 31/12/2019. Từ ngày 01/01/2020 đến nay anh T, chị T không trả. Nay chị H, anh H có yêu cầu khởi kiện đòi nợ số tiền 80 triệu đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2020 đến khi xét xử theo lãi suất quy định của pháp luật.

Xét thấy: Hợp đồng vay giữa anh T, chị T với chị Nguyễn Thị Thanh H là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có tính lãi. Tài sản cho vay của chị H là tài sản của vợ chồng chị (H + H). Tuy nhiên trong Hợp đồng hai bên không xác định rõ lãi suất. Trong thời hạn, anh T, chị T đều thực hiện việc trả lãi trong hạn theo thỏa thuận của các bên đối với số tiền gốc 140 triệu đồng và hiện đã trả lãi đến ngày 31/12/2019. Từ ngày 01/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 8 tháng 4 ngày anh T, chị T chưa trả lãi của số tiền nợ gốc 80 triệu đồng. Do hai bên thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không

xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên lãi suất trong thỏa thuận hợp đồng của hai bên được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng là 10%/năm (*tương ứng là 0,83%/tháng*). Do quá hạn chưa trả hết gốc nên tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả. Do vậy căn cứ các Điều 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015 cần buộc anh T, chị T có trách nhiệm phải trả số tiền nợ gốc là 80 triệu đồng và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là $150\% \times 0,83\%/tháng \times 8 \text{ tháng} \times 80.000.000\text{đồng} = 8.100.800\text{đồng}$. Tổng cộng gốc và lãi là 88.100.800đồng.

[2] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Anh Phạm Viết T, chị Trần Thị Lệ T phải chịu án phí là $5\% \times 88.100.800\text{đồng} = 4.405.000\text{đồng}$. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị H, anh H.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Vũ Đức H.

Buộc vợ chồng anh Phạm Viết T, chị Trần Thị Lệ T phải trả cho vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Vũ Đức H số tiền 88.100.800đồng (*tám mươi tám triệu một trăm nghìn tám trăm đồng*) trong đó tiền gốc là 80.000.000đồng, tiền lãi là 8.100.800đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong. Bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Anh Phạm Viết T, chị Trần Thị Lệ T phải chịu án phí là 4.405.000đồng (*bốn triệu bốn trăm linh năm nghìn đồng*).

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị H, anh H số tiền là 2.200.000đồng (*Hai triệu hai trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0001472 ngày 21/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình

Án xử công khai sơ thẩm, chị H, anh H, chị Ngọc A, anh T, chị T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trình hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi gửi

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND TP Ninh Bình
- Chi cục thi hành án Ds TP Ninh Bình
- Các đương sự
- Lưu hs
- Lưu cq

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy

